

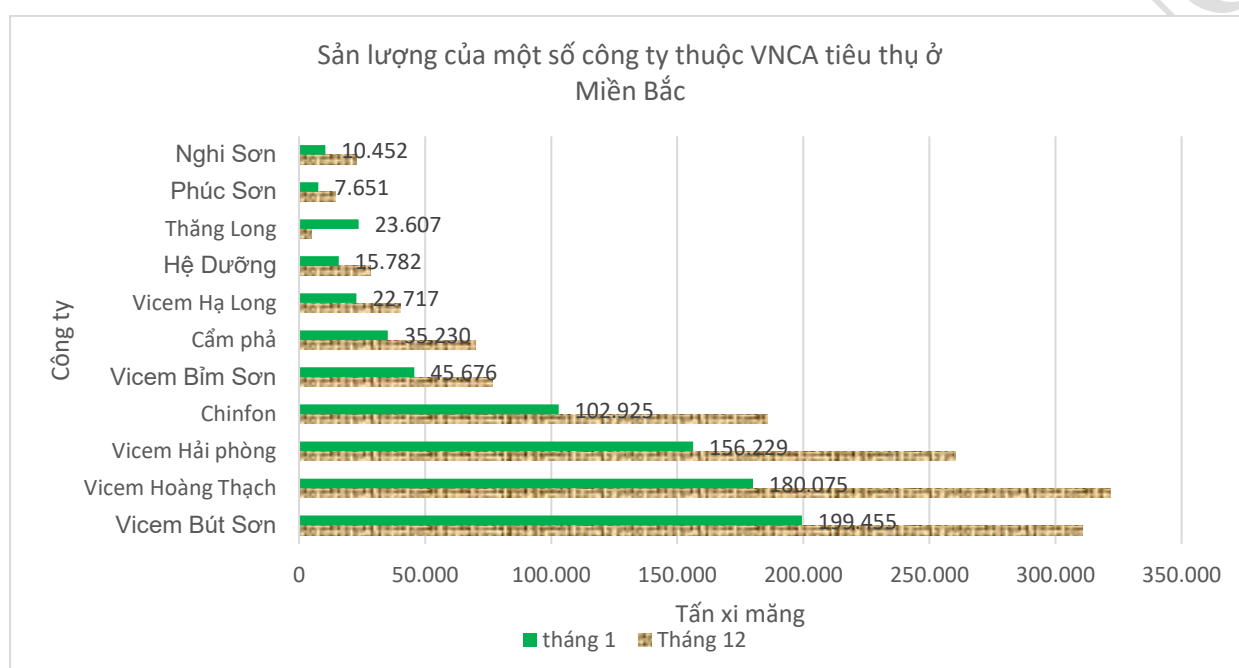
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 1/2022

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

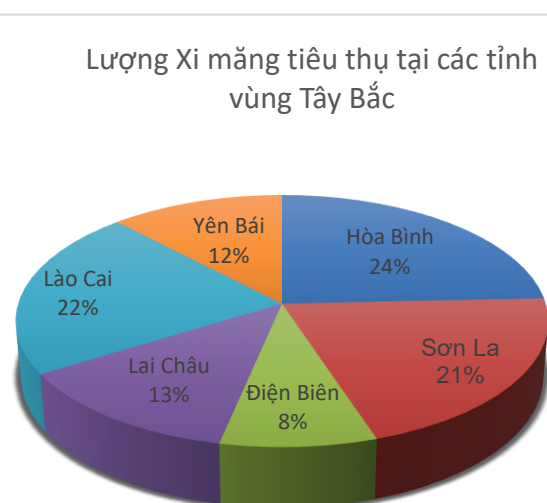
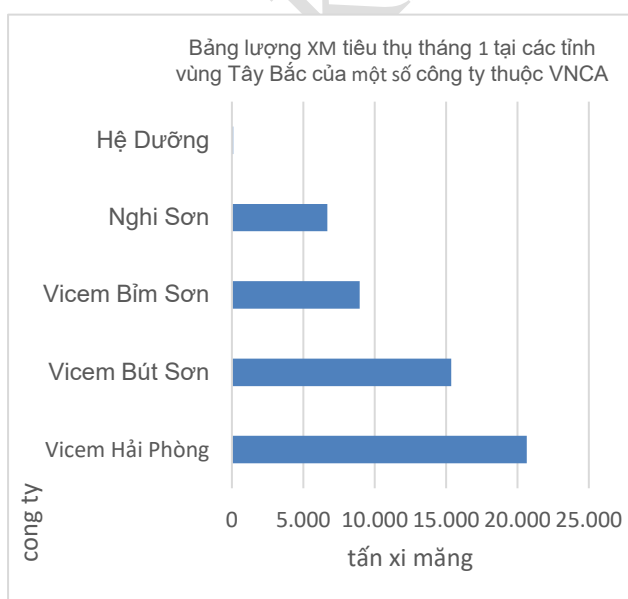
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 1/2022 là: 1.436.625 tấn (tháng 12 là 2.258.008 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

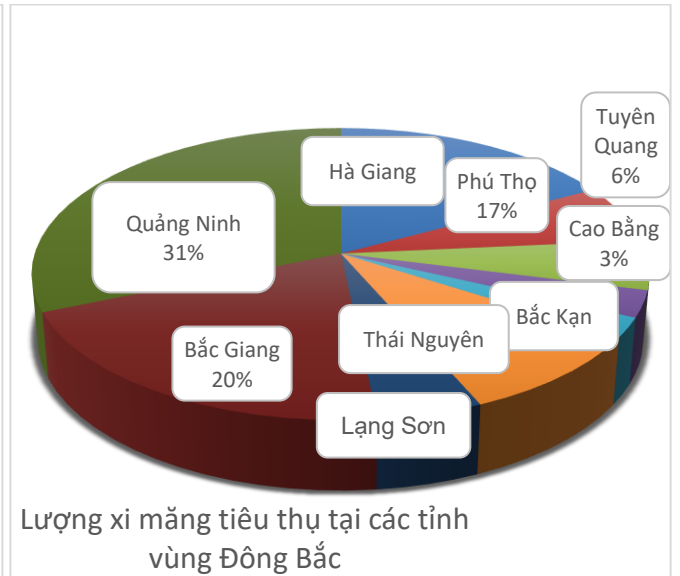
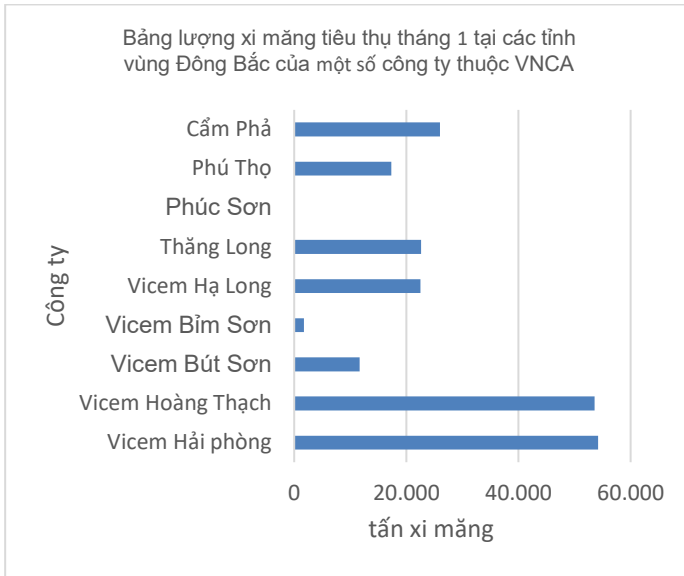


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 1/2022 như sau:

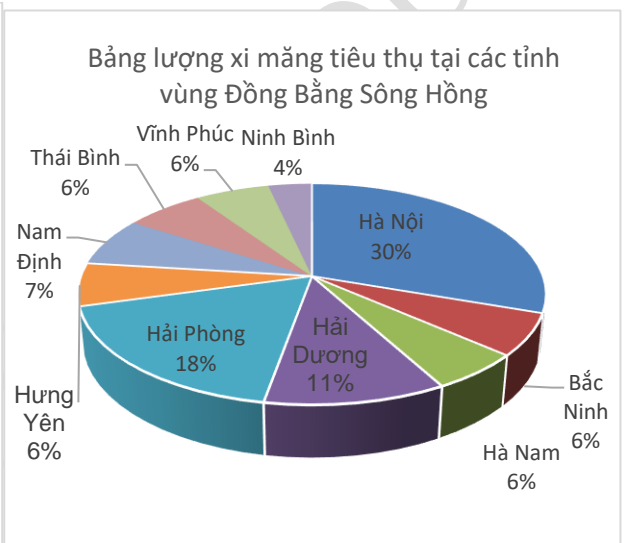
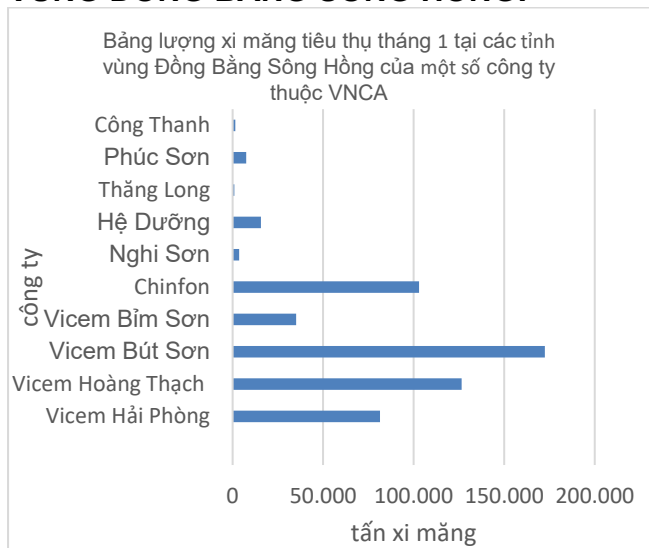
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.230 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.540

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Lạng Sơn: 1.000

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.290
- XM Quang Sơn: 1.320
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.180 PCB 40: 1.280

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Chín Fôn: 1.480
- XM Lam Thạch: 1.260
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.390
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.360

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.490
- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380
- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Nghi Sơn PCB40: 1.450
- XM Chinfon: 1.500

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.410
- XM Thăng Long PCB 40 1.410
- XM Phúc Sơn: 1.390
- XM Hoàng Mai: 1.510

7. Tại Hải Dương: - XM Chinfon: 1.470 - Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm phả PCB 40	1.380	- XM Phúc Sơn:	1.400
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tại Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.460

- XM Chin Fon:	1.420	- XM Bút Sơn:	1.450
-XM Phúc Sơn:	1.310		

9. Tại Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.150

- XM Bỉm Sơn: 1.390
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
- XM Hoàng Mai 1.350
- XM Tam Điệp: 1.310

10. Tại Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.300 - XM Hệ Dưỡng: 1.120 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.300

11. Tại Nam Định: -XM Hoàng Thạch: 1.450 XM Cẩm phả: 1.370

- XM Bỉm Sơn: 1.490
- XM Bút Sơn: 1.450
- XM Chin Fon: 1.490

12. Tại Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.460
- XM Chin Fon: 1.410
- XM Thăng Long: 1.410
- XM Bút Sơn: 1.460
- XM Cẩm phả: 1.390

13. Tại Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540
- XM Hoàng Thạch: 1.610
- XM Phúc Sơn: 1.510
- XM Bỉm Sơn: 1600
- XM Tam Điệp: 1590
- XM Bút Sơn: 1590
- XM Thăng Long PCB 40: 1.530
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.540

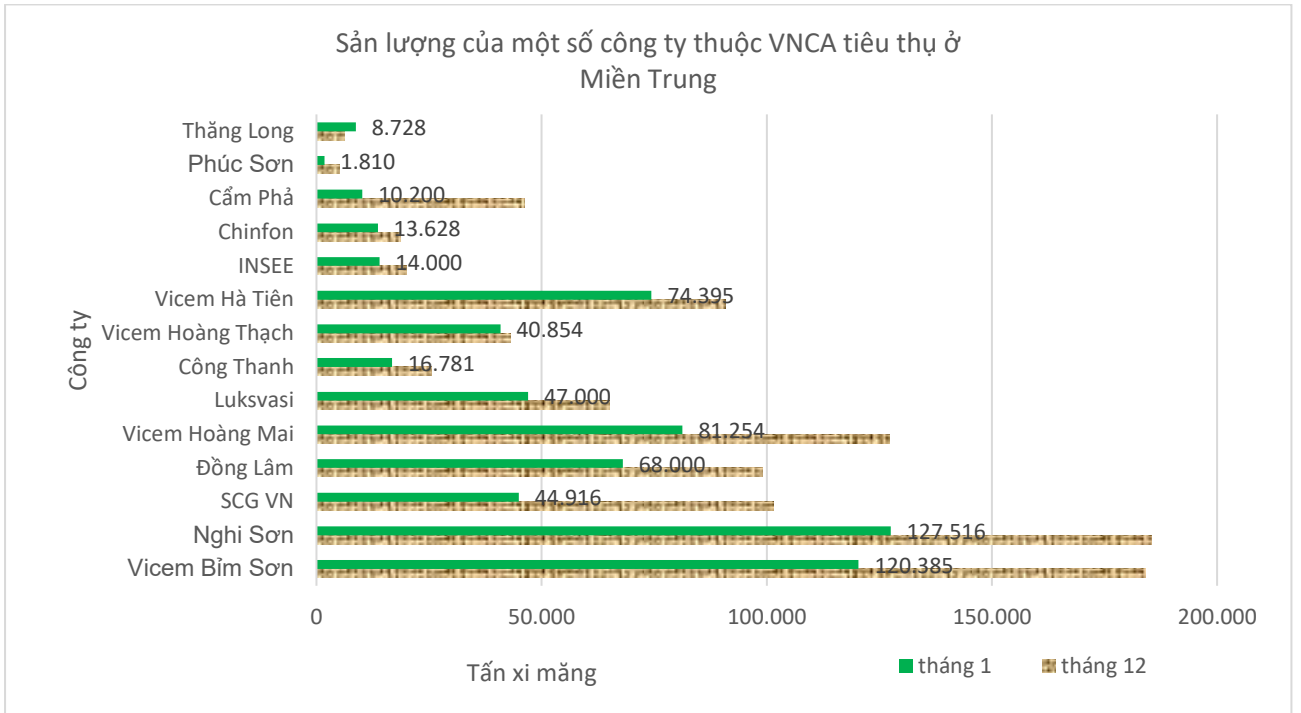
15. Tại Hải phòng: - XM ChinFon: 1.530 XM Cẩm phả: 1.450

- XM Hải phòng: 1.490
- XM Phúc Sơn: 1.420

II. Thị trường xi măng miền Trung:

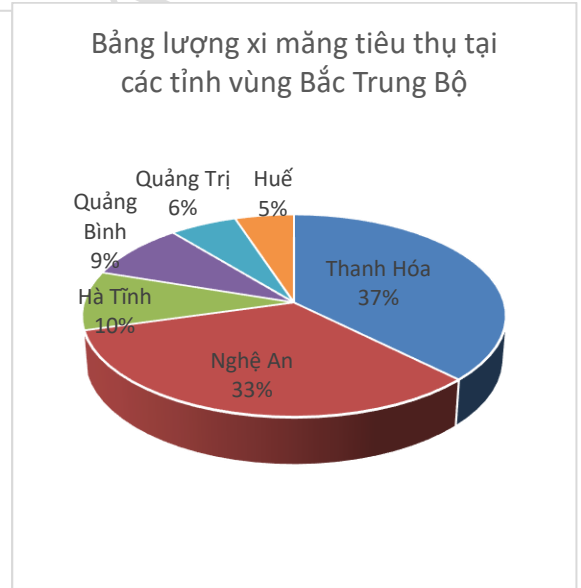
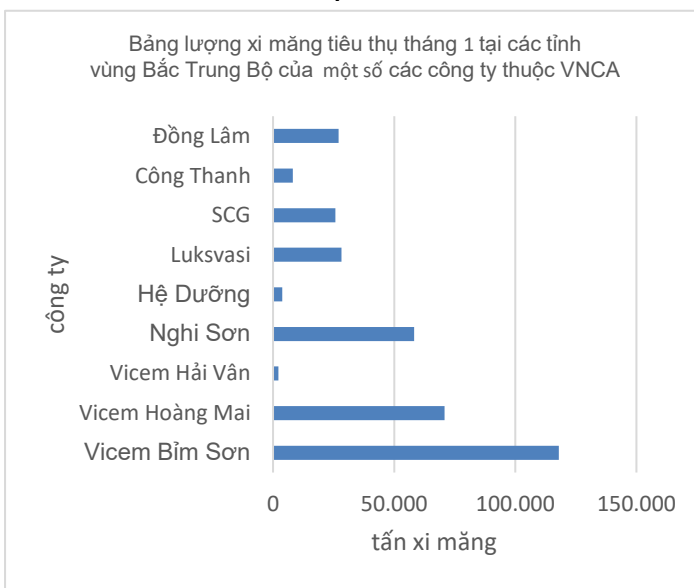
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 1/2022: 1.101.259 tấn (tháng 12 là 1.621.425 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

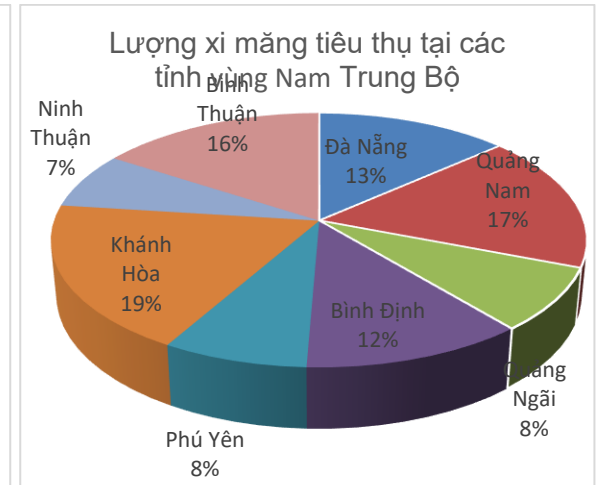
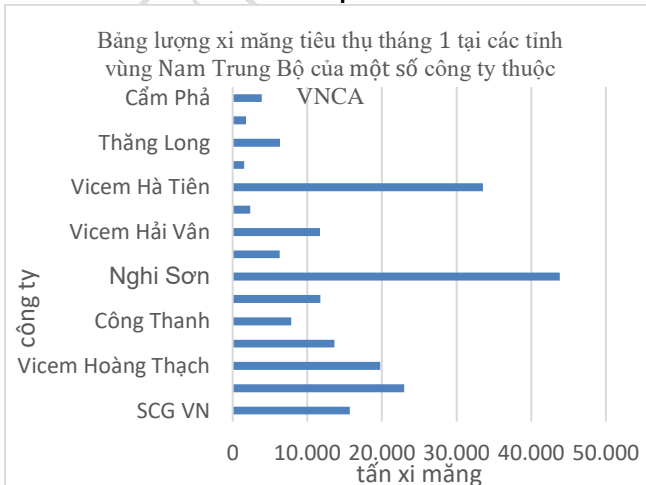


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 1/2022 như sau:

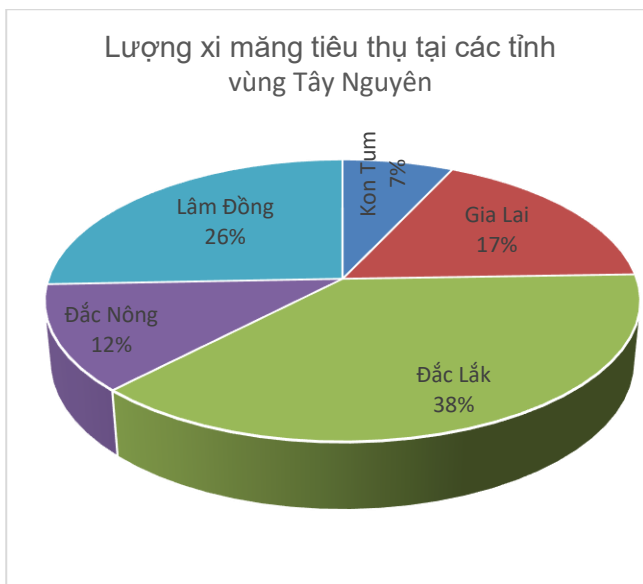
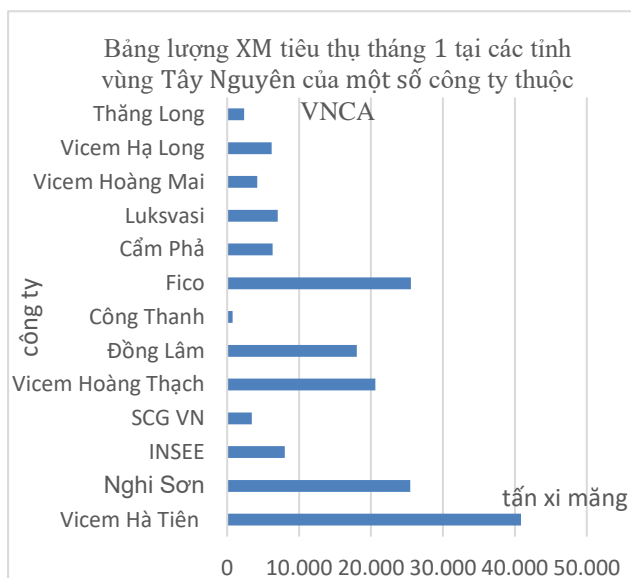
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

* **Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:** - XM Sông Gianh: 1.100

- XM Bỉm Sơn: 1.410 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.410

* **Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100 - XM Quảng Trị: 980 - XM Sông Gianh: 1.360

- XM Luks VN PCB 40: 1.300 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

* **Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:** - XM Sông Gianh: 1.540 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.450

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480 - XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.600 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.580

- XM Phúc Sơn: 1.530 - XM luks VN PCB 40: 1.590 - ChinFon: 1.440

* **Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.880

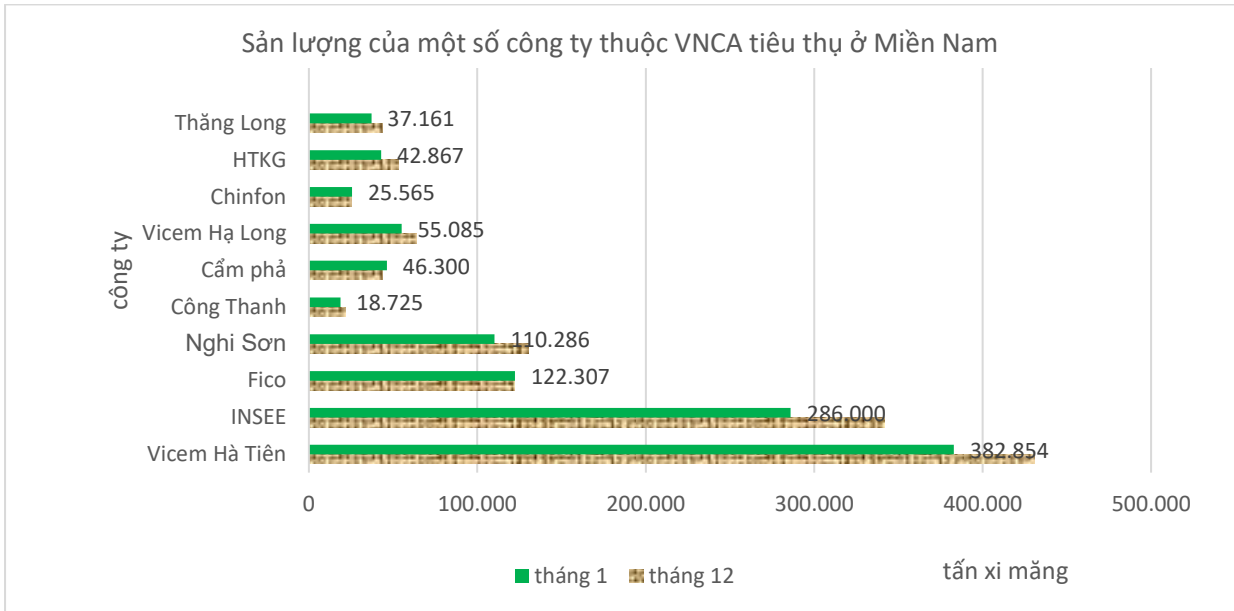
- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950

- XM Thăng Long 1.800 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.890

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

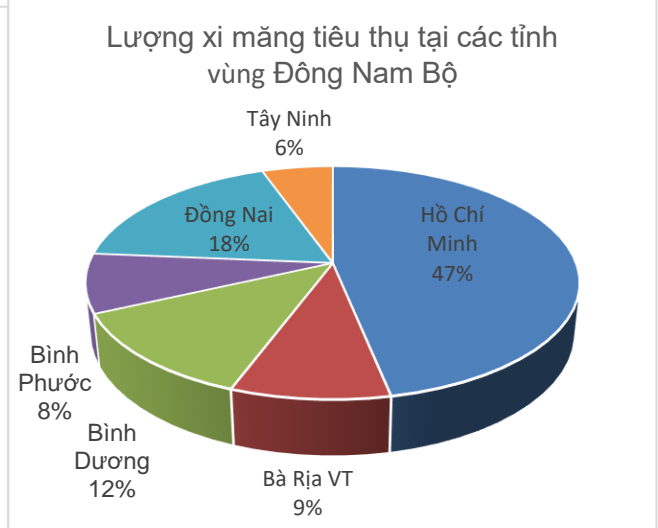
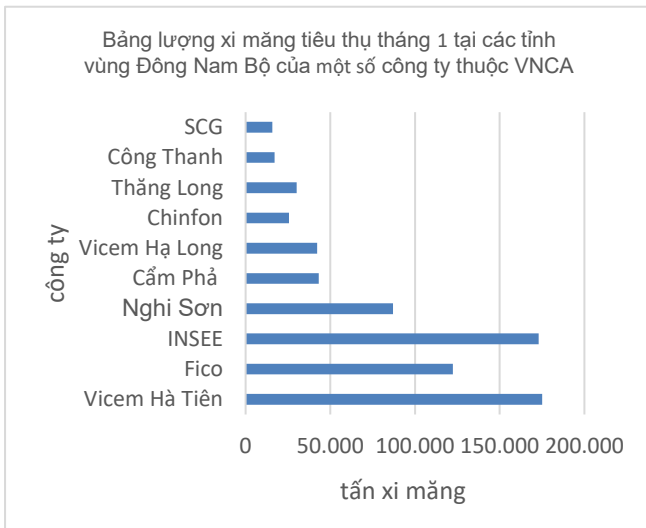
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.595.628 tấn (tháng 12 là 2.256.337 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

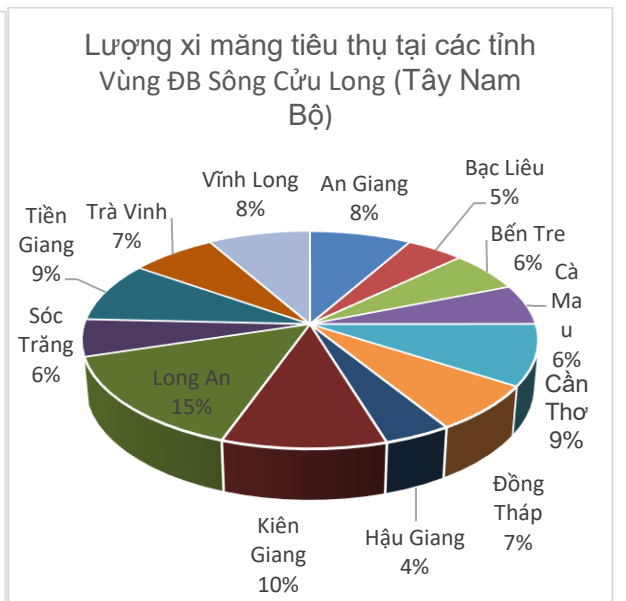
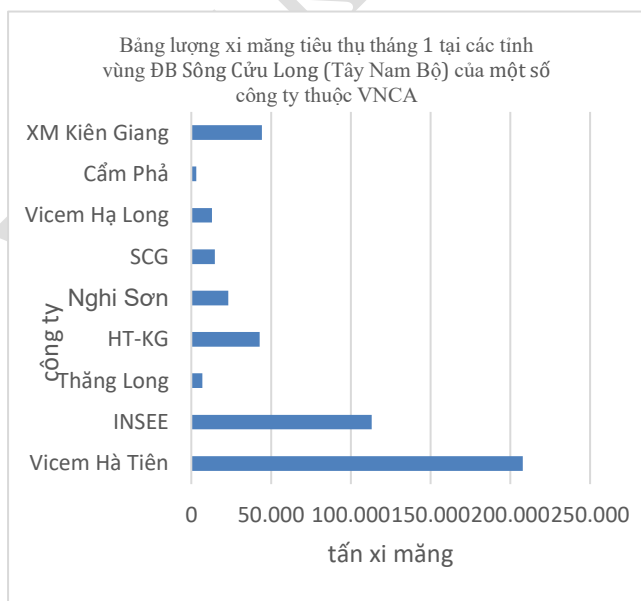


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 1/2022 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.800 ; XM Starcem: 1.700
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.600
- XM ChinFon :1.660 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680 - XM Công Thanh: 1.600 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394; PCB 50 xá: 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.520
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.580
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.150 PCB 40: 1.250
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.250

Nhận xét chung thị trường nội địa:

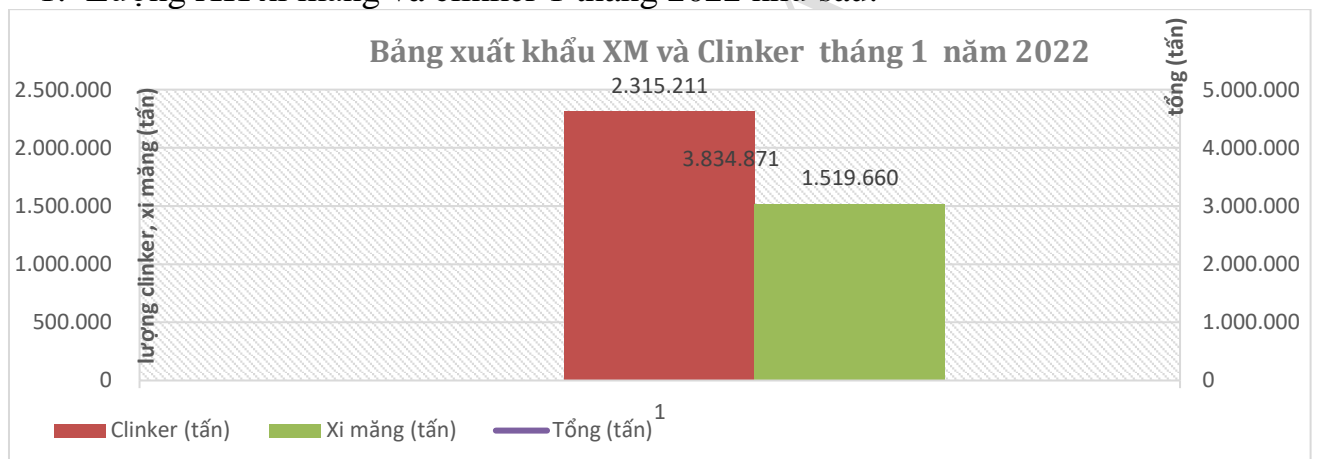
Về tiêu thụ xi măng: giảm do ảnh hưởng nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài

Về giá bán xi măng: ổn định như tháng 12

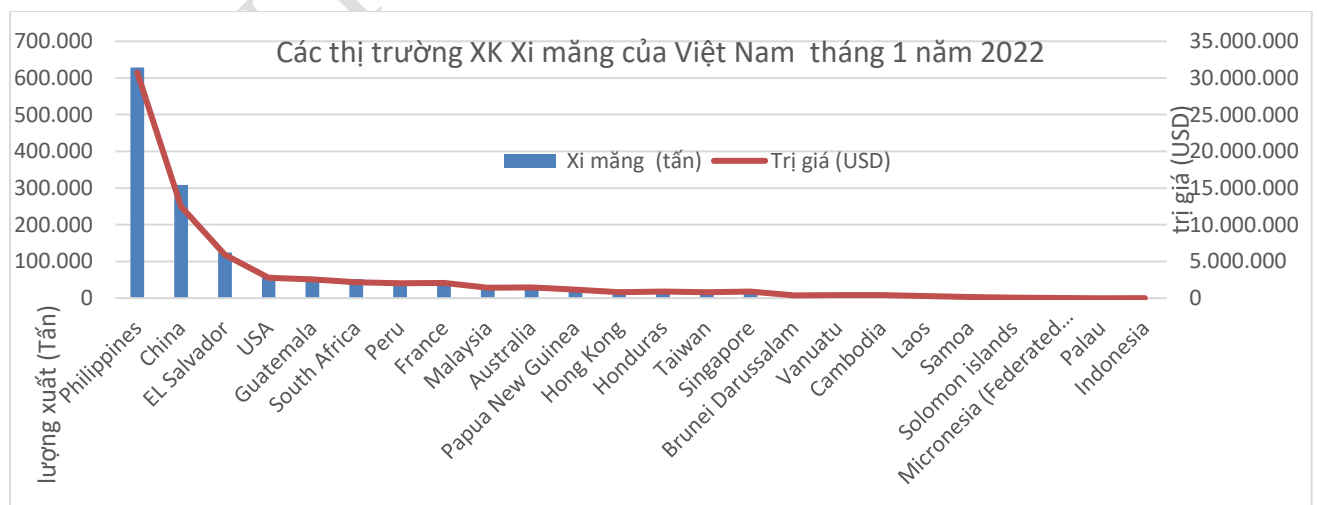
Tồn kho cuối tháng 1: Xi măng: 1,81 triệu tấn; clinker: 3 triệu tấn.

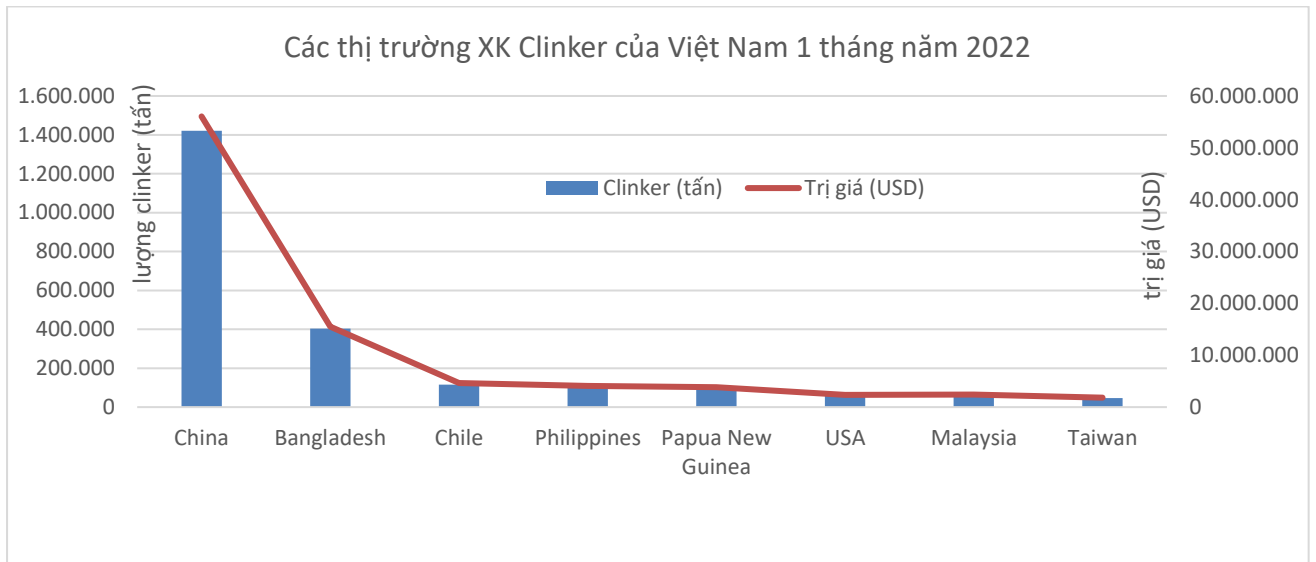
B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 1 tháng 2022 như sau:

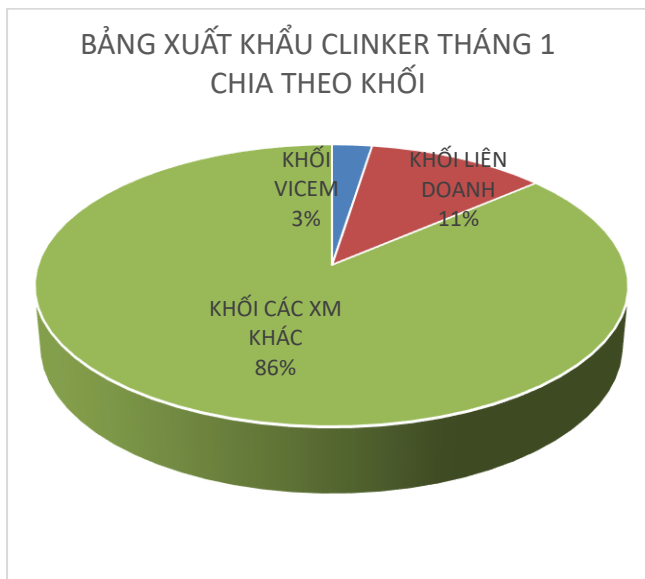


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam tháng 1 năm 2022:

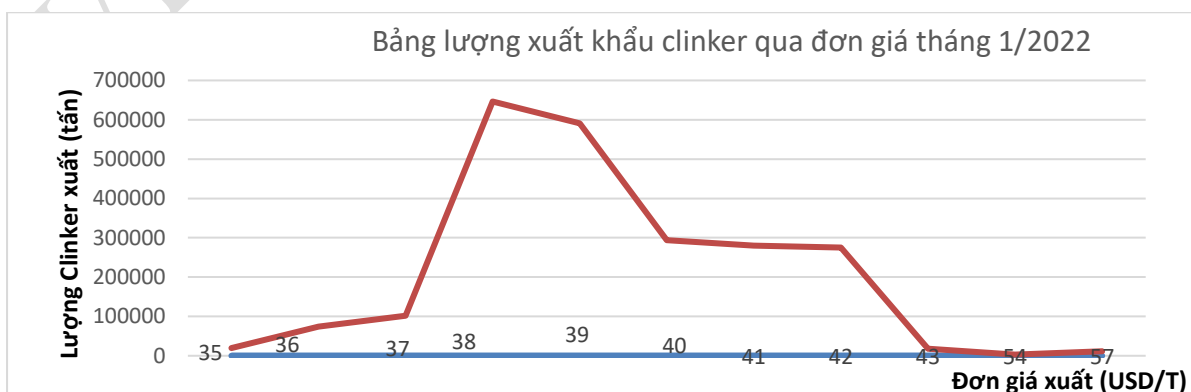


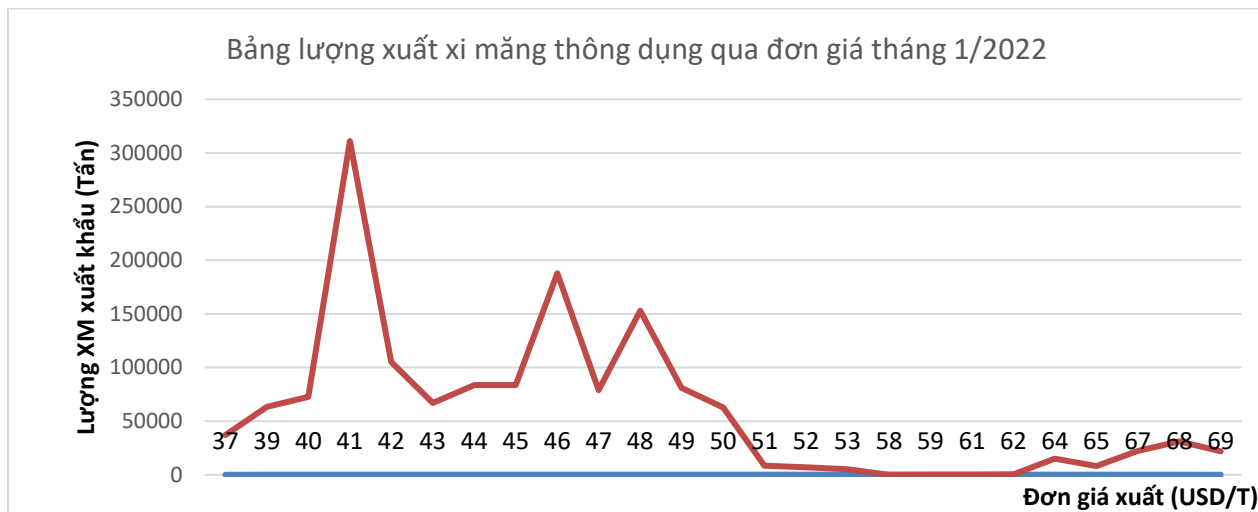


3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 1 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 1/2022 như sau:





C- SX THÁNG 1/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 2/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 1/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T2/2022	Lũy kế TTND năm 2022
A	Khối VICEM	1.863.323	1.863.323	1.109.900	1.382.175
1	Vicem Hải Phòng	126.398	126.398	125.000	156.229
2	Vicem Hoàng Thạch	256.486	256.486	160.000	220.929
3	Vicem Bút Sơn	255.379	255.379	120.000	200.815
4	Vicem Tam Điệp	111.113	111.113	0	0
5	Vicem Bim Sơn	248.276	248.276	194.000	166.061
6	Vicem Hoàng Mai	139.173	139.173	58.000	81.254
7	Vicem Hải Vân	36.282	36.282	7.500	13.890
8	Vicem Hà Tiên	451.417	451.417	361.900	457.249
9	Vicem Hạ Long	153.591	153.591	81.000	85.543
10	Vicem Sông Thao	85.209	85.209	500	205
B	Khối LD	1.089.411	1.089.411	785.550	911.337
1	XM Nghi Sơn	368.654	368.654	233.000	248.254
2	XM Chinfon	165.304	165.304	117.450	142.118
3	Siam City Cement	300.000	300.000	210.000	300.000
4	XM Luks(Vietnam)	45.000	45.000	30.000	47.000
5	XM Thăng Long	80.000	80.000	75.000	69.496
6	XM Hệ Dưỡng	20.453	20.453	9.100	19.571
7	SCG VN	90.000	90.000	95.000	75.437
8	XM Phúc Sơn	20.000	20.000	16.000	9.461
C	Khối các Cty xm khác	3.150.000	3.150.000	1.700.000	1.840.000
	Toàn XH: (A+B+C)	6.102.734	6.102.734	3.595.450	4.133.512

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 1/2022: 4.133.512 tấn bằng 76% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 67% so với tháng 12/2021.
- Xuất khẩu tháng 1/2022: 3.834.871 tấn (trong đó xi măng 1.519.660 tấn và clinker là 2.315.211 tấn) bằng 122% so với cùng kỳ 2021, bằng 114% so với tháng 12/2021.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 1/2022: 7.968.383 tấn bằng 93% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 84% so với tháng 12/2021.

VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG